

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐIỆN BIÊN**

**GIÁO TRÌNH  
MÔN HỌC: THUẾ  
NGÀNH/NGHỀ: KẾ TOÁN  
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*Ban hành kèm theo quyết định số: 1372/QĐ-CDKTKT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên*

**TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN**

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

## LỜI GIỚI THIỆU

Trong nền kinh tế thị trường, thuế đã trở thành công cụ tài chính vĩ mô quan trọng và ảnh hưởng đáng kể đến các mối quan hệ cân đối lớn của nền kinh tế thị trường từ đó tác động đến tăng trưởng kinh tế bền vững của đất nước. Những hiểu biết về bản chất, đặc điểm và vai trò của thuế nói chung hay hiểu biết về bản chất, đặc điểm và vai trò cũng như các quy định pháp luật của từng loại thuế hiện hành nói riêng là hết sức cần thiết đối với các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Những hiểu biết này sẽ góp phần giúp cho các tổ chức, cá nhân trên cơ sở các thông tin về thuế tiếp cận được sẽ đưa ra các quyết định phù hợp mang lại kết quả góp phần gia tăng lợi ích kinh tế của các tổ chức, cá nhân trên khuôn khổ tuân thủ pháp luật về thuế.

Giáo trình cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về thuế nói chung cũng như về các loại thuế hiện hành nói riêng. Trên cơ sở môn học liên quan đã được đào tạo giáo trình trang bị kiến thức cần thiết cho sinh viên thực hiện quy trình tuân thủ pháp luật về thuế trong nghề nghiệp tương lai cũng như làm nền tảng kiến thức cho sinh viên trong việc hoạch định thuế trong đầu tư và kinh doanh.

Giáo trình được biên soạn làm tài liệu giảng dạy, học tập trình độ cao đẳng thuộc chuyên ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng. Thời lượng giảng dạy giáo trình là 3 tín chỉ. Đối tượng là sinh viên năm thứ 2. Kết cấu giáo trình gồm có 6 chương.

Chương 1: Tổng quan về thuế

Chương 2: Thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Chương 3: Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Chương 4: Thuế Giá trị gia tăng

Chương 5: Thuế thu nhập

Chương 6: Các khoản thuế và lệ phí khác

Để hoàn thành giáo trình này chúng tôi chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của hội đồng đào tạo nhà trường, các thầy cô trong Khoa Kinh tế - Tài chính và các bạn trong và ngoài trường.

Điện Biên, ngày 02 tháng 12 năm 2019

Tham gia biên soạn.

1. Chủ biên: Trần Thị Thanh Thủy

2. Thành viên: Trần Thị Hoa

## MỤC LỤC

	TRANG
Lời giới thiệu .....	2
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THUẾ.....</b>	<b>6</b>
<b>1.1. Khái niệm, bản chất và đặc trưng cơ bản của thuế.....</b>	<b>7</b>
1.1.1. Khái niệm về thuế.....	7
1.1.2. Bản chất của thuế.....	7
1.1.3. Các đặc trưng cơ bản của thuế.....	7
<b>1.2. Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường .....</b>	<b>7</b>
1.2.1. Công cụ huy động nguồn tài chính đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước .....	7
1.2.2. Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế xã hội.....	8
1.2.3. Công cụ điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội .....	8
<b>1.3. Phân loại thuế .....</b>	<b>8</b>
1.3.1. Phân loại theo đối tượng của thuế .....	8
1.3.2. Phân loại theo phương thức huy động của thuế .....	9
1.3.3. Phân loại thuế theo thẩm quyền được phép sử dụng thuế .....	9
<b>1.4. Các yếu tố cơ bản hợp thành luật thuế.....</b>	<b>9</b>
1.4.1. Tên gọi của luật thuế .....	9
1.4.2. Đối tượng chịu thuế.....	9
1.4.3. Đối tượng không chịu thuế.....	9
1.4.4. Người nộp thuế .....	9
1.4.5. Căn cứ tính thuế.....	9
1.4.6. Thuế suất.....	9
1.4.7. Miễn thuế, giảm thuế.....	9
<b>CHƯƠNG 2: THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU.....</b>	<b>11</b>
<b>2.1. Tổng quan về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu .....</b>	<b>11</b>
2.1.1. Khái niệm .....	11
2.1.2. Đặc điểm.....	11
2.1.3. Vai trò.....	11
<b>2.2. Nội dung cơ bản của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành .....</b>	<b>11</b>
2.2.1. Đối tượng chịu thuế.....	11
2.2.2. Đối tượng không chịu thuế.....	11
2.2.3. Người nộp thuế .....	12
2.2.4. Phương pháp tính thuế.....	12
2.2.5. Kê khai thuế và nộp thuế .....	16
2.2.6. Miễn thuế, giảm thuế.....	16

2.2.7. Hoàn thuế.....	17
<b>CHƯƠNG 3: THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT .....</b>	<b>19</b>
<b>3.1. Tổng quan về thuế tiêu thụ đặc biệt .....</b>	<b>19</b>
3.1.1. Khái niệm .....	19
3.1.2. Đặc điểm.....	19
3.1.3. Vai trò.....	19
<b>3.2. Nội dung cơ bản của thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành.....</b>	<b>19</b>
3.2.1. Đối tượng chịu thuế.....	19
3.2.2. Đối tượng không chịu thuế.....	20
3.2.3. Người nộp thuế.....	21
3.2.4. Phương pháp tính thuế.....	21
3.2.5. Khấu trừ thuế.....	26
3.2.6. Giảm thuế .....	26
3.2.7. Hoàn thuế.....	26
<b>CHƯƠNG 4: THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG .....</b>	<b>28</b>
<b>4.1. Tổng quan về thuế giá trị gia tăng.....</b>	<b>28</b>
4.1.1. Khái niệm .....	28
4.1.2. Đặc điểm.....	28
<b>4.2. Nội dung cơ bản của thuế GTGT hiện hành.....</b>	<b>29</b>
4.2.1. Đối tượng chịu thuế.....	29
4.2.2. Đối tượng không chịu thuế GTGT .....	29
4.2.3. Người nộp thuế.....	33
4.2.4. Phương pháp tính thuế.....	33
<b>CHƯƠNG 5: THUẾ THU NHẬP .....</b>	<b>39</b>
<b>5.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp .....</b>	<b>40</b>
5.1.1. Tổng quan về thuế thu nhập doanh nghiệp.....	40
5.1.2. Nội dung cơ bản của thuế TNDN hiện hành .....	40
<b>5.2. Thuế thu nhập cá nhân .....</b>	<b>45</b>
5.2.1. Tổng quan về thuế thu nhập cá nhân (TNCN) .....	45
5.2.2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập cá nhân hiện hành .....	45
<b>CHƯƠNG 6: CÁC KHOẢN THUẾ VÀ LỆ PHÍ KHÁC.....</b>	<b>52</b>
<b>6.1. Thuế tài nguyên .....</b>	<b>52</b>
6.1.1. Tổng quan về thuế tài nguyên .....	52
6.1.2. Nội dung cơ bản của thuế tài nguyên hiện hành .....	53
<b>6.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp .....</b>	<b>56</b>
6.2.1. Tổng quan về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp .....	56

6.2.2. Nội dung cơ bản của Thuế sử dụng đất nông nghiệp hiện hành .....	57
<b>6.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp .....</b>	<b>59</b>
6.3.1. Tổng quan về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp .....	59
6.3.2. Nội dung cơ bản của thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hiện hành.....	59
<b>6.4. Thuế bảo vệ môi trường.....</b>	<b>61</b>
6.4.1. Tổng quan về thuế bảo vệ môi trường.....	61
6.4.2. Nội dung cơ bản của thuế bảo vệ môi trường hiện hành.....	61
<b>6.5. Phí, lệ phí và thuế môn bài .....</b>	<b>64</b>
6.5.2. Phí và lệ phí .....	65
6.5.3. Lệ phí trước bạ.....	65

## GIÁO TRÌNH MÔN THUẾ

**Tên môn học: Thuế**

**Mã môn học: T.THUE.3.321**

**Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:**

- Vị trí: Thuế là môn khoa học thuộc khối kiến thức của ngành kế toán, tài chính ngân hàng, môn học này được bố trí giảng dạy sau môn học chung và môn cơ sở khác của ngành.

- Tính chất: Thuế là môn học nghiên cứu các loại thuế liên quan đến ngành kế toán, tài chính ngân hàng, là môn học chuyên ngành. Thông qua kiến thức chuyên môn về thuế, người học xác định được những khoản thuế của các tổ chức, cá nhân phải nộp.

- Ý nghĩa và vai trò của môn học: Môn Thuế đã được đưa vào trong chương trình đào tạo của nhiều ngành trong khối kinh tế bởi thuế có mối liên hệ với nhiều môn chuyên ngành trong các ngành: kế toán, tài chính - ngân hàng, logistics... vì những hiểu biết về bản chất, đặc điểm vai trò cũng như các quy định pháp luật của từng loại thuế hiện hành là hết sức cần thiết đối với các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

**Mục tiêu của môn học**

- Về kiến thức:

- + Trình bày các kiến thức cơ bản về các loại thuế;
- + Liệt kê các phương pháp tính các loại thuế (giá tính thuế, căn cứ tính thuế, thuế suất...); các loại phí, lệ phí hiện hành;
- + Trình bày các quy trình kê khai thuế, miễn giảm thuế và hoàn thuế;
- + Phân biệt các khoản nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp (nộp thuế và khấu trừ thuế tiêu thụ doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, phí và lệ phí).

- Về kỹ năng: Vận dụng tính khoản nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp (kê khai thuế, nộp thuế và khấu trừ thuế tiêu thụ doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, phí và lệ phí).

- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

- + Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập.
- + Làm việc độc lập hoặc theo nhóm, tuân thủ nguyên tắc kê khai thuế từng loại theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Nội dung của môn học**

### CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THUẾ

**Giới thiệu:** Trong chương 1 đưa ra những nội dung về khái niệm, bản chất và đặc trưng cơ bản của thuế, vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường. Cách phân loại thuế theo từng tiêu thức, các yếu tố cơ bản hợp thành luật thuế

**Mục tiêu:**

- + Trình bày được khái niệm, bản chất và đặc trưng cơ bản của thuế, phân loại thuế

- + Khái quát các yếu tố cơ bản hợp thành luật thuế.
- + Mô tả được vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường
- + Phân biệt sự khác nhau giữa thuế trực thu và thuế gián thu.
- + Phân tích vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường.

## **Nội dung**

### **1.1. Khái niệm, bản chất và đặc trưng cơ bản của thuế**

#### *1.1.1. Khái niệm về thuế*

Thuế là một khoản nộp của các tổ chức và cá nhân cho nhà nước theo luật định nhằm chu cấp cho các chi phí của chính phủ. Thuế gắn liền với sự tồn tại và phát triển của nhà nước.

#### *1.1.2. Bản chất của thuế*

Thuế thể hiện quan hệ kinh tế giữa nhà nước và các tổ chức, cá nhân trong xã hội phát sinh trong quá trình Nhà nước – bằng quyền lực của mình – tham gia tái phân phối tổng sản phẩm quốc nội nhằm tạo lập quỹ ngân sách nhà nước để đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước.

#### *1.1.3. Các đặc trưng cơ bản của thuế*

- Tính chất bắt buộc: Thuế thể hiện quan hệ kinh tế - chính trị giữa nhà nước và các tổ chức cá nhân. Nhà nước là thể chế chính trị có quyền lực tối cao ban hành các luật thuế và bắt buộc các tổ chức và cá nhân phải thực hiện nghĩa vụ của mình.
- Thuế không hoàn trả một cách trực tiếp (không đổi giá): Thuế thể hiện sự chuyển dịch quyền sở hữu thu nhập. Thông qua thuế, thu nhập từ các tổ chức và cá nhân được chuyển sang nhà nước. Nhà nước có toàn quyền sử dụng thu nhập từ thuế.
- Thuế dùng vào chi tiêu công: Tổng số thu từ thuế, được đưa vào ngân sách nhà nước và cân đối chung nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội.

### **1.2. Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường**

#### *1.2.1. Công cụ huy động nguồn tài chính đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước*

- Bao quát các nguồn thu có khả năng động viên cho ngân sách nhà nước, trên cơ sở xác định hợp lý tỷ lệ động viên so với GDP. Thuế phải đảm bảo bao trùm lên mọi ngành nghề lĩnh vực, các khoản thu nhập của xã hội. Việc thường xuyên mở rộng căn cứ tính thuế sẽ góp phần giảm gánh nặng nộp thuế ho từng cá nhân người nộp thuế nhưng lại tăng tổng thu thuế do căn cứ tính thuế được mở rộng, đảm bảo vai trò tạo nguồn thu chủ yếu cho ngân sách nhà nước.

- Chính sách thuế phải tác động tích cực đến các yếu tố giúp tăng trưởng nền kinh tế xã hội nói chung. Cần lưu ý đến các trường hợp ưu đãi về thuế suất hay miễn giảm, các trường hợp không chịu thuế, hình thức thuế suất thích hợp với yêu cầu của từng loại thuế. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển các hoạt động kinh doanh, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã hoạch định.

- Chính sách thuế phải chú trọng đến khía cạnh công bằng trong điều tiết thu nhập, khi xây dựng và thực hiện chính sách thuế, từ đó thực hiện sự bình đẳng giữa tất



cả các đối tượng chịu sự điều tiết thu nhập từ thuế. Khi thực hiện yêu cầu này, cần lưu ý đến khả năng thu thuế của người dân.

Khả năng thu thuế = Tiền thuế chính phủ mong muốn lấy từ GDP / GDP

$$\text{Nỗ lực thu thuế} = \frac{\text{Tỷ lệ \% mà chính phủ mong muốn lấy từ GDP}}{\text{Tỷ lệ \% thực tế của thuế so với GDP}}$$

Thuế (T) = Căn cứ tính thuế x Mức thuế suất

### 1.2.2. Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế xã hội

- Chính sách thuế góp phần định hướng cho đầu tư trong nước, thực hiện chính sách thu hút đầu tư từ nước ngoài, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước.

- Thông qua thuế suất, miễn giảm hay quy định về các trường hợp chịu thuế, không chịu thuế... chính sách có thể khuyến khích hoặc hạn chế hoạt động kinh doanh, góp phần vào việc xác lập quan hệ cân đối giữa cung và cầu hàng hóa, dịch vụ và tác động đến cân bằng thị trường.

- Thuế góp phần thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại của nhà nước trong từng thời kỳ, nhằm mục tiêu phát triển kinh tế khi ra nhập nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

### 1.2.3. Công cụ điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội

Chính sách thuế giữ vai trò quan trọng trong việc điều tiết công bằng thu nhập giữa các tầng lớp dân cư vốn bị phân hóa khi phát triển nền kinh tế thị trường. Chính sách thuế xác lập sự công bằng về trách nhiệm, nghĩa vụ nộp thuế giữa các tổ chức và cá nhân. Việc điều hòa thu nhập xã hội chủ yếu được thực hiện bởi hệ thống chính sách thuế trực thu. Bên cạnh đó, thuế gián thu, đặc biệt là thuế TTĐB đánh vào các hàng hóa dịch vụ xa xỉ cũng có tác động điều tiết thu nhập của các cá nhân có thu nhập cao trong xã hội. Việc điều tiết thu nhập nhằm thực hiện công bằng được thực hiện theo 2 hướng công bằng theo chiều dọc và công bằng theo chiều ngang.

- Công bằng theo chiều ngang: Nếu một loại thuế được soạn thảo dành cho những cá nhân có cùng một khả năng nộp thuế như nhau (được đo lường theo căn cứ tính thuế) nợ cùng một khoản thuế như nhau, hệ thống thuế này được miêu tả là công bằng theo chiều ngang.

- Công bằng theo chiều dọc: Một hệ thống thuế công bằng theo chiều dọc nếu những cá nhân với một khả năng nộp thuế cao hơn sẽ nộp thuế nhiều hơn những cá nhân có khả năng nộp thuế thấp hơn

## 1.3. Phân loại thuế

### 1.3.1. Phân loại theo đối tượng của thuế

- Thuế thu đối với thu nhập
- Thuế thu đối với hàng hóa, dịch vụ
- Thuế thu đối với tài sản

### 1.3.2. Phân loại theo phương thức huy động của thuế

- Thuế trực thu: Động viên trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản nào đó của người nộp thuế.

- Thuế gián thu: Là loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ. Thuế gián thu xem như một khoản giá trị cộng thêm vào giá bán của hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng phải chi trả. Người tiêu dùng chính là người chịu thuế nhưng người có trách nhiệm nộp thuế gián thu theo luật định lại là người bán.

### 1.3.3. Phân loại thuế theo thẩm quyền được phép sử dụng thuế

- Thuế liên bang
- Thuế tiểu bang
- Thuế chính quyền địa phương

## 1.4. Các yếu tố cơ bản hợp thành luật thuế

### 1.4.1. Tên gọi của luật thuế

Tên gọi xác định một cách chính thức một loại thuế được ban hành. Thông thường tên gọi của một loại thuế nên ngắn gọn và nêu lên được đối tượng, phạm vi của loại thuế đó vì đây là hai vấn đề mà người nộp thuế quan tâm trước hết.

### 1.4.2. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế là mục tiêu tác động của thuế. Thông thường đối tượng chịu thuế là các hàng hóa, dịch vụ, thu nhập hay tài sản. Thông thường, tên gọi của các loại thuế thường hay được bắt nguồn từ đối tượng chịu thuế như thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập công ty, thuế doanh thu...

### 1.4.3. Đối tượng không chịu thuế

Đối tượng không chịu thuế không là mục tiêu tác động của thuế. Đối tượng không thuộc diện chịu thuế thường là các hàng hóa, dịch vụ, thu nhập hay tài sản được liệt kê trong danh sách các đối tượng không thuộc diện chịu thuế do luật thuế quy định.

### 1.4.4. Người nộp thuế

Người nộp thuế là các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải nộp thuế theo quy định. Tùy thuộc vào tính chất trực thu hay gián thu của thuế, người nộp có thể là người chịu thuế hay chỉ là người có trách nhiệm pháp lý phải nộp khoản tiền thuế đã nhận của người chịu thuế vào kho bạc nhà nước.

### 1.4.5. Căn cứ tính thuế

Mỗi loại thuế có căn cứ tính thuế khác nhau. Tuy nhiên luật thuế thường sử dụng các căn cứ như: số lượng hàng hóa, dịch vụ, đơn giá tính, đơn vị tính, thu nhập chịu thuế...

### 1.4.6. Thuế suất

Thuế suất là mức thu hay suất thu thuế, được tính trên căn cứ thu thuế.

### 1.4.7. Miễn thuế, giảm thuế

Số thuế được miễn hoặc giảm, thực chất là số phải nộp, nhưng được để lại cho người nộp thuế.